

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày 28/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư và bà Trần Thị Thu Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Tứ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 24/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 24/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐ-HPT ngày 14/9/2020, đối với bị cáo:

Đồng Văn T, sinh ngày: 11/02/1990; Nơi cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hoá 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đồng D, sinh năm: 1954 và bà Lê Thị P, sinh năm 1953; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2020 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông Lưu Bá Đ – sinh năm 1971, có mặt;
2. Ông Phạm Ngọc H – sinh năm 1971, bà Võ Thị T – sinh năm 1971, vắng mặt;
3. Ông Phạm Văn B – sinh năm 1978, có mặt;
4. Ông Lưu Bá Q – sinh năm 1984, bà Nguyễn Thị Mỹ T – sinh năm 1982, ông Q có mặt, bà T vắng mặt;
5. Chị Trần Thị Thu H – sinh năm 1993, vắng mặt;

6. Anh Bùi Thái H – sinh năm 1990, vắng mặt;
7. Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1984, chị Mạnh Thị Kim A – sinh năm 1983, vắng mặt;
8. Ông Nguyễn Minh T – sinh năm 1979, bà Phạm Thị P – sinh năm 1988, ông T có mặt, bà P vắng mặt;
9. Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1978, có mặt;
Đồng trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
10. Anh Trương Hùng C – sinh năm 1983, có mặt;
11. Ông Nguyễn Đức Đ – sinh năm 1978, có mặt;
Đồng trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
12. Ông Dương Văn T – sinh năm 1967, vắng mặt;
13. Ông Đào Khắc Th – sinh năm 1974, vắng mặt;
Đồng trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
14. Ông Đào Khắc P – sinh năm 1977, có mặt;
15. Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1971, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;
Đồng trú tại: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
16. Anh Trần Công L – sinh năm 1988, có mặt;
17. Ông Võ Minh P – sinh năm 1975, có mặt;
Đồng trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Đồng Thị H – sinh năm 1992;
Có mặt.
2. Ông Đồng D – sinh năm 1954, có đơn xin xét xử vắng mặt;
Cùng cư trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
3. Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1968;
Nơi cư trú: khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
4. Chị Phạm Thị Ngọc L – sinh năm 1984;
Nơi cư trú: Khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
5. Anh Đinh Văn T – sinh năm 1974;
Nơi cư trú: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
6. Anh Võ Văn A – sinh năm 1972, có đơn xin xét xử vắng mặt;
7. Chị Nguyễn Thị Th – sinh năm 1997, có đơn xin xét xử vắng mặt;
Cùng cư trú: thôn C, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
8. Ông Trương Minh Q – sinh năm 1969;
Nơi cư trú: 89 đường 3/2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
9. Bà Nguyễn Thị Bích T – sinh năm 1964;
10. Chị Nguyễn Thị Bích N – sinh năm 1970;
Đồng trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
11. Anh Ngô Văn L – sinh năm 1987;
Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

12. Ông Nguyễn Ngọc H – sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

13. Ông Võ Văn T – sinh năm 1969, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Nơi cư trú: Khu phố H, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Võ Đức H – sinh năm 1981;

Nơi cư trú: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị P – sinh năm 1967;

Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 22/11/2019, Đồng Văn T đến khu vực neo đậu thuyền thuộc khu phố P, thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên; T dùng thúng chai của người khác đang để gần đó rồi chèo đến ghe không rõ số hiệu đang neo đậu, đột nhập vào trong ghe lấy trộm 01 bình ắc quy hiệu Enimac N100 trị giá 750.000 đồng mang vào bờ thì bị anh Lưu Bá Đ phát hiện, bắt giữ.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/2019 đến ngày 22/11/2019, cùng thủ đoạn như trên Đồng Văn T đã thực hiện 16 vụ trộm bình ắc quy trên các thuyền neo đậu tại bến thuộc khu phố P, thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ 1:** Khoảng 23 giờ ngày 15/10/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY95182TS của ông Lưu Bá Đ lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS150, theo định giá 02 bình là 3.600.000 đồng.

- **Vụ thứ 2:** Khoảng 23 giờ ngày 16/10/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY1266TS của ông Nguyễn Minh T lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS150, theo định giá 02 bình là 3.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 3:** Khoảng 23 giờ ngày 17/10/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY5886TS của ông Phạm Ngọc H lấy trộm 01 bình ắc quy hiệu ĐN N50, theo định giá bình là 600.000 đồng.

- **Vụ thứ 4:** Khoảng 23 giờ ngày 23/10/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY51083TS của ông Nguyễn Hữu T lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS100, theo định giá 02 bình là 2.100.000 đồng.

- **Vụ thứ 5:** Khoảng 23 giờ ngày 24/10/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY95184TS của ông Phạm B lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu ĐN N200, theo định giá 02 bình là 4.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 6:** Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/10/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY50137TS của ông Võ Minh Pg lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GOBE 75, theo định giá 02 bình là 1.400.000 đồng.

- **Vụ thứ 7:** Khoảng 23 giờ ngày 29/10/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY1619TS của ông Nguyễn Đức Đ lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu N120.MF, theo định giá 02 bình là 2.500.000 đồng.

- **Vụ thứ 8:** Khoảng 23 giờ ngày 02/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY59197TS của ông Trần Công L lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS100, theo định giá 02 bình là 1.500.000 đồng.

- **Vụ thứ 9:** Khoảng 23 giờ ngày 03/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY95173TS của ông Trương Hùng C lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS150, theo định giá 02 bình là 3.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 10:** Khoảng 23 giờ ngày 06/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY95281TS của ông Bùi Thái H lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS150, theo định giá 02 bình là 3.400.000 đồng.

- **Vụ thứ 11:** Khoảng 23 giờ ngày 08/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY95175TS của ông Lưu Bá Q lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, theo định giá 02 bình là 3.500.000 đồng.

- **Vụ thứ 12:** Khoảng 23 giờ ngày 16/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY51183TS của ông Dương Văn T lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, theo định giá 02 bình là 1.600.000 đồng.

- **Vụ thứ 13:** Khoảng 23 giờ ngày 16/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền của ông Đào Khắc T lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS100, theo định giá 02 bình là 2.200.000 đồng.

- **Vụ thứ 14:** Khoảng 23 giờ 30 ngày 18/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY95210TS của ông Nguyễn Văn S lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS150, theo định giá 02 bình là 3.000.000 đồng.

- **Vụ thứ 15:** Khoảng 23 giờ 30 ngày 19/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY90955TS của bà Trần Thị Thu H lấy trộm 01 bình ắc quy hiệu GS200, theo định giá 01 bình là 2.100.000 đồng.

- **Vụ thứ 16:** Khoảng 23 giờ ngày 21/11/2019 Đồng Văn T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY95182TS của ông Lưu Bá Đ lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu GS150, theo định giá 02 bình là 4.000.000 đồng.

Sau khi lấy trộm bình ắc quy, T đem về cất giấu gần nhà, rồi nhân lúc cha T là ông Đồng D nhờ chở phế liệu nhặt được đi bán thì T sử dụng xe mô tô biển số 78N4-4853 của T chở phế liệu và bình ắc quy đi bán 11 lần tại các điểm thu mua phế liệu của: bà Phạm Thị L ở khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; ông Trương Minh Q ở 89 đường 3/2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; ông Nguyễn Ngọc H ở khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên do ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị T (người làm công) mua. Ngoài ra T còn tự đem bình ắc quy đi bán ở các điểm

thu mua phế liệu của: bà Nguyễn Thị S ở thôn (nay là khu phố) U, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên; ông Đinh Văn T ở thôn (nay là khu phố) Đ, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên. Toàn bộ số tiền bán được, T dùng để tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/01/2020 Đồng Văn T bị khởi tố về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, ngày 22/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện (nay là thị xã) Đông Hòa ra Lệnh số 10/CSĐT cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đồng Văn T, nhưng T lại tiếp tục thực hiện 5 vụ trộm khác, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ 1:** Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/02/2020, Đồng Văn T điều khiển xe mô tô biển số 78N4-6527 (*xe của Đồng Thị H em ruột T*) đến Bến thuyền thuộc thôn (nay là khu phố) Đ, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ; T lên vào cabin thuyền của ông Đào Khắc P lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, theo định giá 02 bình là 1.440.000 đồng đem giấu ở rừng Dương gần đó. Sáng ngày 28/02/2020, T điều khiển xe mô tô biển số 78N4-6527 đến chở bình ắc quy đến điểm thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Bích N ở khu phố B, thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ bán được 440.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

- **Vụ thứ 2:** Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/3/2020 Đồng Văn T điều khiển xe mô tô biển số 78N4-6527 đến Bến thuyền thuộc thôn (nay là khu phố) Đ, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ; T lên vào cabin thuyền của ông Đào Khắc P lấy trộm 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, theo định giá 01 bình là 600.000 đồng đem bán cho điểm thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Bích T ở khu phố B, thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ được 200.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

- **Vụ thứ 3:** Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/3/2020 Đồng Văn T điều khiển xe mô tô biển số 78N4-6527 đến Bến thuyền thuộc thôn (nay là khu phố) Đ, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ; T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY02082TS của ông Nguyễn Văn H lấy trộm 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, theo định giá 02 bình là 800.000 đồng đem bán cho điểm thu mua phế liệu của chị Phạm Thị Kim C (*do anh Ngô Văn L trực tiếp thu mua*) ở khu phố H, phường P, thành phố T được 350.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

- **Vụ thứ 4:** Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/3/2020 Đồng Văn T điều khiển xe mô tô biển số 78N4-6527 đến Bến thuyền thuộc thôn (nay là khu phố) Đ, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ; T lên vào cabin thuyền của ông Đào Khắc P lấy trộm 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai, theo định giá 01 bình là 480.000 đồng đem bán cho điểm thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Bích T ở khu phố B, thị trấn (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ được 220.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

- **Vụ thứ 5:** Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/3/2020 Đồng Văn T điều khiển xe mô tô biển số 78N4-6527 đến Bến thuyền thuộc thôn (nay là khu phố) Đ, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ; T lên vào cabin thuyền mang số hiệu PY02082TS của ông Nguyễn Văn H lấy trộm 02 tăng phô cao áp loại 1000W, theo định giá 02 tăng phô cao áp là 1.200.000 đồng thì bị phát hiện.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 25/12/2019 và số 14 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá huyện (nay là thị xã) Đông Hòa kết luận tại thời điểm xảy ra các vụ án đối với 37 bình ắc quy các loại và 02 tăng phô cao áp loại 1.000W mà Đồng Văn T lấy trộm có tổng giá trị là 46.770.000 đồng.

*** Vật chứng vụ án đã thu giữ:**

- 01 bình ắc quy hiệu Enimac N100 sơn màu trắng;
- 01 xe mô tô biển số 78N4-4853;
- 01 xe mô tô biển số 78N4-6527;
- 01 đèn pin đội đầu màu xanh;
- 01 lưỡi dao kim loại màu đen có chiều dài 12cm, chiều rộng 3cm;
- 02 tăng phô cao áp loại 1.000W (đã trả chủ sở hữu).

* Về dân sự: Bị cáo Đồng Văn T chưa bồi thường cho bị hại, những bị hại yêu cầu Tòa buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản bằng số tiền mà Hội đồng định giá đã thẩm định đối với các loại bình ắc quy mà T đã trộm cắp, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKSĐH ngày 23/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa đã truy tố bị cáo Đồng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đồng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên lợi dụng sơ hở của các thuyền đang neo đậu không ai trông coi để lén lút trộm các loại bình ắc quy bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và đã vận động nhờ gia đình bồi thường cho những bị hại nên rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với Đồng Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; xử phạt bị cáo T từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/3/2020.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Buộc bị cáo Đồng Văn T tiếp tục bồi thường cho những bị hại ông Trần Công L, ông Bùi Thái H, ông Dương Văn T, ông Đào Khắc T, ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị Thu H (đã bồi thường 1.000.000 đồng còn 1.100.000 đồng) và ông Nguyễn Văn H số tiền theo như Hội đồng định giá đã kết luận đối với tài sản bị mất tương ứng.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 bình ắc quy hiệu Enimac N100 sơn màu trắng, giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Hòa tiếp tục tìm chủ sở hữu để xử lý theo quy định pháp luật;

- Đối với 01 xe mô tô biển số 78N4-4853, do bị cáo làm chủ sở hữu dùng làm phương tiện để phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 xe mô tô biển số 78N4-6527 do chị Đồng Thị H sở hữu, khi bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội chị H không biết nên giao trả lại cho chị Đồng Thị H;

- Tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin đội đầu màu xanh, 01 lưỡi dao kim loại màu đen có chiều dài 12cm, chiều rộng 3cm vì không còn giá trị sử dụng;

- Đối với 02 tăng phô cao áp loại 1.000W đã trả chủ sở hữu nên không xét.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khi thu mua các bình ắc quy do T mang đến, họ không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Đông Hòa không khởi tố là có căn cứ nên đề nghị HĐXX không xét. Đối với ông Đồng D tuy có đi cùng bị cáo khi bị cáo đi tiêu thụ tài sản trộm được nhưng mục đích đi là để bán phế liệu do mình nhặt được do không tự điều khiển xe được, chứ không hề hứa hẹn hay thỏa thuận chia lợi nhuận khi bán tài sản trộm được với bị cáo, do đó, không xem xét khởi tố đối với ông D là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi gia đình và những bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, bị cáo rất ăn năn và đã nhận thức được hành vi sai trái của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do người tham gia tố tụng cung cấp:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo không khiếu nại gì đối với các quyết định, văn bản tố tụng ở giai đoạn điều tra nên đều là chứng cứ hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với những chứng cứ được thu thập hợp lệ và lời khai của bị hại, người liên quan đến vụ án và người làm chứng. Đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/2019 đến ngày 22/11/2019 tại Bến thuyền thuộc khu phố P, thị trấn (nay là phường) H và tại Bến thuyền thuộc thôn (nay là khu phố) Đ, xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên; Đồng Văn T đã thực hiện 22 vụ trộm cắp tài sản trên các thuyền đang neo đậu (trong đó có 11 vụ trộm tài sản trên 2.000.000 đồng), chiếm đoạt 37 bình ắc quy và 02 tăng phô cao áp loại 1.000W có tổng giá trị chiếm đoạt là 46.770.000 đồng. Do đó, bản cáo trạng số 20/CT-VKSĐH ngày 23/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa truy tố bị cáo về tội : “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động. Vì lòng tham muốn có tài sản của người khác nên đã thường xuyên lén lút, lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu để trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và xem đó là nguồn thu nhập chính của bị cáo, là thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, gây hoang mang trong nhân dân và làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, hướng đến giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình điều tra bị cáo đã tự khai ra những lần phạm tội khác. Bị cáo đã vận động nhờ gia đình khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho một số bị hại, những bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, xử bị cáo dưới mức thấp nhất mà kiểm sát viên giữ quyền công tố tại Tòa đã đề nghị để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà phấn đấu tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho những bị hại đối với tài sản bị mất tương ứng với số tiền mà Hội đồng định giá đã thẩm định và bị hại có yêu cầu, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho ông Trần Công L 1.500.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Bùi Thái H 3.400.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Dương Văn T 1.600.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Đào Khắc T 2.200.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn S 3.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Trần Thị Thu H 1.100.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 2.000.000 đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án:

- Đối với 01 bình ắc quy hiệu Enimac N100 sơn màu trắng, giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Hòa tiếp tục tìm chủ sở hữu để xử lý theo quy định pháp luật;

- Đối với 01 xe mô tô biển số 78N4-4853, do bị cáo làm chủ sở hữu dùng làm phương tiện để phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 xe mô tô biển số 78N4-6527 do chị Đồng Thị H sở hữu, khi bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội chị H không biết nên giao trả lại cho chị Đồng Thị H;

- Tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin đội đầu màu xanh, 01 lưỡi dao kim loại màu đen có chiều dài 12cm, chiều rộng 3cm vì không còn giá trị sử dụng;

- Đối với 02 tăng phô cao áp loại 1.000W đã trả chủ sở hữu nên không xét.

[7] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khi thu mua các bình ắc quy do T mang đến, họ không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Đông Hòa không khởi tố là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đối với ông Đồng D tuy có đi cùng bị cáo khi bị cáo đi tiêu thụ tài sản trộm được nhưng mục đích đi là để bán phế liệu do mình nhặt được vì không tự điều khiển xe được, chứ không hề hứa hẹn hay thỏa thuận chia lợi nhuận khi bán tài sản do bị cáo trộm được với bị cáo, do đó, không xem xét khởi tố đối với ông D là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Đối với bà Lê Thị P đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại cho một số bị hại thay cho bị cáo và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và $14.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 740.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đồng Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Đồng Văn T 03 (Ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Bồi thường cho ông Trần Công L 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Bùi Thái H 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Dương Văn T 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Đào Khắc T 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn S 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Bồi thường cho bà Trần Thị Thu H 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng vụ án:

- Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Hòa 01 bình ắc quy hiệu Enimac N100 sơn màu trắng để tiếp tục tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô biển số 78N4-4853;

- Trả lại cho chị Đồng Thị H 01 xe mô tô biển số 78N4-6527;

- Tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin đội đầu màu xanh, 01 lưỡi dao kim loại màu đen có chiều dài 12cm, chiều rộng 3cm;

Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Hòa với Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đồng Văn T phải chịu **200.000đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 740.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Tấn Hồng

